

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DSST

Ngày: 02/01/2018

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Thu Thảo.

2. Ông Trần Văn Phước.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2017/TLST-DS ngày 03 thng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị K, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn b L Thị K trình bày:*

Bà K và vợ chồng bà T, ông Q có mối quan hệ hàng xóm láng giềng nên vào ngày 15/7/2015 âm lịch bà có cho bà T mượn số tiền 21.500.000 đồng. Đây là số tiền bà K hốt hụi có được. Sau đó bà T mượn tiếp bà K 8.000.000 đồng để đóng hụi từ tháng 12/2015 đến tháng 7/2016. Sau đó bà T tiếp tục mượn bà 21.000.000 đồng để đóng các dây hụi mà bà T tham gia từ tháng 12/2015 đến tháng 7/2017. Tổng cộng số tiền bà T mượn bà K là 50.500.000 đồng. Vì hoàn cảnh gia đình bà K neo đơn, không chồng con, bà lại đau bệnh nên cần tiền để xoay sở, bà K đã nhiều lần đến đòi bà T trả

số tiền trên nhưng bà T, ông Q cứ nhiều lần hứa hẹn không trả cho bà. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q cùng liên đới trả cho bà số tiền đã mượn là 50.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền này.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/11/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà T thừa nhận có nợ bà K số tiền là 50.500.000 đồng. Bà T đồng ý trả số tiền 50.500.000 đồng cho bà K và yêu cầu được trả dần hàng tháng vì hiện nay bà T còn nợ nhiều người. Việc bà T mượn tiền bà K là để trả tiền lãi cho những chủ nợ khác và lo kinh tế sinh hoạt trong gia đình. Việc bà T mượn tiền của nhiều người, ông Q chồng bà T không biết, đến nay nhiều chủ nợ đến đòi nợ thì ông Q mới biết. Do ông Q chồng bà T cho rằng không liên quan đến tiền nợ và việc làm ăn của bà T nên không đồng ý đến Tòa và không đồng ý cùng bà T liên đới trả nợ cho bà K.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Công Q được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vắng mặt không lý do. Tòa án đã lập biên bản hòa giải không được đối với ông Đức, Tòa án đã lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T, ông Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị K và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn bà Lê Thị K cho rằng bà Nguyễn Thị Thanh T có nợ bà K số tiền là 50.500.000 đồng. Sau khi vay bà K có đến đòi bà T trả tiền này nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả. Chứng cứ khởi kiện là Tờ giấy mượn tiền được bà T ký với tổng số tiền nợ là 50.500.000 đồng. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2017 bà T cũng thừa nhận có nợ số tiền này của bà K.

HĐXX xét thấy, bà T đã thừa nhận còn nợ bà K số tiền 50.500.000 đồng nhưng đến nay bà T chưa trả số tiền nợ này, ông Q là chồng của bà T cũng không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà K là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay bà T, ông Q vẫn còn sống chung. Bà T khai nhận việc bà T vay tiền bà K là để trả tiền nợ, lo kinh tế sinh hoạt trong gia đình. Nhờ vậy, việc bà K không kiên yêu cầu bà T, ông Q

liên đới trả số tiền 50.500.000 đồng cho bà K và ông Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền còn nợ là 50.500.000 đồng (*Năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng*).

Tại tòa bà K không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50.500.000 đồng nêu trên nên ghi nhận.

Về án phí DSST có giá ngạch 5%: Bà T và ông Q phải liên đới nộp theo quy định của pháp luật:  $50.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.525.000 \text{ đồng}$  (*Hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K về việc yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền nôi vay.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị K số tiền nợ vay là 50.500.000 đồng (*Năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ghi nhận việc bà K không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà K, khoản tiền hoàn trả nêu trên chưa thi hành sẽ được áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3/ Án phí DSST có giá ngạch 5%:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công Q phải liên đới nộp là 2.525.000 đồng (*Hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.262.500 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0012713 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà K được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T, ông Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Các bên đương sự
- Chi cục THA dân sự huyện
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Đỗ Thị Phụng**